

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-PT
Ngày 15/01/2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga;

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú;

Ông Hoàng Hữu Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXX - PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1955, có mặt;

2. Bị đơn: Ông Trương Song H, sinh năm 1966, có mặt;

Đều cùng địa chỉ: Thôn C, xã V (nay là xã D), huyện K, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Mạnh H1, sinh năm 1963. Trú tại: Khu tập thể B, thôn T, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội, có mặt.

+ Bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1958. Trú tại: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

+ Ông Trương Văn Đ2, sinh năm 1960, vắng mặt;

+ Bà Đào Thị O, sinh năm 1972, có mặt;

+ Anh Trương Quang T, sinh năm 1982, vắng mặt;

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1951, có mặt;

Đều cùng địa chỉ: Thôn C, xã V (nay là xã D), huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Trương Thị P, sinh năm 1978, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Trương Thị H2, sinh năm 1979, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị M, chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T, bà Trương Thị Đ1, ông Trương Mạnh H1, ông Trương Văn Đ2 là nguyên đơn, ông Trương Văn Đ.

+ Ủy ban nhân dân xã V (nay là xã D), huyện K, tỉnh Hưng Yên. Đại diện ông Trương Văn C, Chủ tịch UBND xã D, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trương Song H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Trương Văn Đ; người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn bà Trần Thị M, chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T, bà Trương Thị Đ1, ông Trương Mạnh H1, ông Trương Văn Đ2 là ông Trương Văn Đ trình bày:

Bố, mẹ các ông, bà là cụ Trương Văn T1 (chết năm 2007) và cụ Phạm Thị C1 (chết năm 2000). Cụ T1 và cụ C1 chết không để lại di chúc. Cụ T1 và cụ C1 sinh được 06 người con (05 trai và 01 con gái), gồm có các ông, bà: ông Trương Quang T2 (chết ngày 24/3/2024), Trương Văn Đ, Trương Văn Đ2, Trương Thị Đ1, Trương Mạnh H1, Trương Song H. Ông Trương Quang T2 có vợ là bà Trần Thị M và các con là chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T. Khi chết cụ T1 và cụ C1 có để lại tài sản, trong đó có 02 suất ruộng (đất 03) của cụ T1 và cụ C1 được chia tại cánh đồng Cửa Đình L thuộc thôn C, xã V. Thời gian Nhà nước chia ruộng đất, cụ T1 và cụ C1 ở cùng vợ chồng ông H nên các tiêu chuẩn ruộng của cụ T1 và cụ C1 được Nhà nước phân chia thì cùng nhập vào số ruộng của vợ chồng ông H. Thời gian đó gia đình ông H được chia 03 suất ruộng. Sau khi chia ruộng, do cụ T1 và cụ C1 chung sống cùng ông H nên 02 suất ruộng đó do ông H và cụ T1, cụ C1 là người quản lý sử dụng để lấy lương thực cho cụ T1 và cụ C1. Khi còn sống cụ T1 và cụ C1 chưa chia cho ai ruộng và khi các cụ chết không để lại di chúc.

Thực hiện quyết định 254/QĐ - UBND ngày 06/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng cho nhân dân làm nhà ở tại xã V, huyện K, đã tiến hành thu hồi diện tích đất của cụ

T1, cụ C1 và vợ chồng ông H là 639,3m², trong số ruộng này thì gia đình vợ con ông H có 03 suất ruộng, số tiền được bồi thường đền bù là 274.958.100 đồng. Do các anh em thống nhất bàn giao đất sớm cho dự án nên đã được UBND huyện K thưởng tiền độ giao đất nhanh với số tiền là 8.257.000 đồng. Số tiền được thưởng tiền độ ông H đã nhận nên các ông không có ý kiến gì về số tiền này. Trong tổng số tiền được Nhà nước đền bù là 274.958.100 đồng thì gia đình ông H được hưởng 03 suất tiền, cụ thể vợ chồng ông H đã nhận số tiền là 164.962.860 đồng, số tiền của 2 suất ruộng của cụ T1 và cụ C1 còn lại là 109.975.240 đồng do UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên đang quản lý. Do khi bố, mẹ ông còn sống thì ở chung cùng với ông H nên danh sách nhận tiền đền bù ruộng đất của bố, mẹ ông mang tên ông H, Ủy ban nhân dân xã V đã tổ chức buổi làm việc và mời các anh em các ông đến để tiến hành nhận số tiền là 109.975.240 đồng. Ông Đ, ông Đ2, ông T2, ông H1 và bà Đ1 thống nhất đề nghị UBND xã V chia số tiền 109.975.240 đồng thành 6 phần nhưng ông H không đồng ý, ông H xin nhận hết số tiền này và mang về nhà để thấp hương cụ T1 và cụ C1, sau đó ông H mới tiến hành chia cho các anh em, nhưng sau đó ông H không đồng ý chia cho anh em, ông H cho rằng ông H là người ở với bố mẹ và nộp thuế sử dụng đất, ông H giữ số tiền ruộng của bố mẹ để thờ cúng bố mẹ nhưng anh em các ông không đồng ý. Các ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động chia số tiền 109.975.240 đồng thành 06 phần ngang nhau cho tất cả con của cụ T1 và cụ C1.

Bị đơn ông Trương Song H trình bày: Về hoàn cảnh gia đình, họ tên bố mẹ và anh em trong gia đình và vợ con ông T2, thời điểm cụ T1, cụ C1 và ông T2 chết như nguyên đơn trình bày trên. Năm 1985 ông đi nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc, đến năm 1988 ông hoàn thành nghĩa vụ Nhà nước, ông về chung sống với bố mẹ ông tại địa phương, thời gian đó các anh chị em ông đều đã đi xây dựng gia đình chỉ còn ông ở lại với bố mẹ. Năm 1991 ông xây dựng gia đình và ở cùng với bố mẹ, phụng dưỡng bố mẹ cho đến khi bố mẹ chết. Đến thời kì chia lại ruộng đất 03, thời gian đó bố mẹ ông còn nợ đọng Nhà nước thuế nông nghiệp, ông là người phải đóng thuế nông nghiệp cho bố mẹ ông, thì bố mẹ ông mới được nhà nước chia ruộng. Khi Nhà nước chia ruộng do bố mẹ ông ở cùng với gia đình ông nên khi chia ruộng thì nhập cùng với ruộng của gia đình ông, tổng là 05 suất ruộng, trong đó của bố mẹ ông có 02 suất, gia đình ông có 03 suất là vợ chồng ông và con Trương Thị H3, hai con của ông là Trương Thị H4 và Trương Thị T3 không được chia ruộng. Sau khi chia ruộng đất xong ông là người quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp để lấy lương thực cho bố mẹ ông sinh sống hàng năm, thời gian đó bố mẹ ông có nói sau khi bố mẹ ông chết thì sẽ cho hai con ông là H4 và T3 02 suất ruộng đó vì hai con ông không có ruộng, việc bố mẹ ông nói cũng chỉ nói bằng miệng và không có văn bản gì. Thực hiện quyết định 254/QĐ - UBND ngày 06/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư tại xã V, huyện K đã tiến hành thu hồi diện tích đất của bố, mẹ ông và vợ chồng ông là 639,3m², số tiền được bồi thường đền bù là 274.958.100 đồng, gia đình ông được hưởng 03 suất tiền bồi thường, cụ thể vợ chồng ông đã nhận số tiền là

164.962.860 đồng, số tiền của 2 suất ruộng của bố, mẹ ông còn lại là 109.975.240 đồng, do khi bố mẹ ông còn sống bố mẹ ông ở chung cùng với ông nên danh sách nhận tiền đền bù ruộng đất của bố, mẹ ông mang tên ông. Ông xác định, ông không có công sức đóng góp gì đối với hai suất ruộng của cụ T1 và cụ C1 để lại. Ông Đ đề nghị chia số tiền 109.975.240 đồng thành các phần ngang nhau cho tất cả con của cụ T1 và cụ C1. Quan điểm của ông không nhất trí, vì các anh chị ông không tôn trọng ông, bản thân ông là người chăm sóc bố mẹ khi còn sống, khi bố mẹ chết ông là người phải đóng góp xây mồ mả trong họ cho các cụ thay bố mẹ, các anh em ông không đóng góp mà đùn hết cho ông, khi có tiền đền bù suất ruộng không thống nhất theo ý kiến của ông mà phải theo ý kiến của các anh em ông nên ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đào Thị O trình bày: Bà và ông H kết hôn năm 1991, bà và ông H chung sống cùng với cụ T1 và cụ C1. Trước khi chia ruộng đất nông nghiệp, cụ T1 và cụ C1 còn nợ đọng thuế nông nghiệp, vợ chồng bà là người đóng thuế thay các cụ thì các cụ mới được chia ruộng. Do cụ T1 và cụ C1 ở cùng với vợ chồng bà nên khi chia ruộng đã nhập số ruộng của cụ T1 và cụ C1 được chia vào số ruộng của gia đình bà được chia. Gia đình bà được chia 03 suất ruộng, cụ T1 và cụ C1 được chia 02 suất ruộng, tổng số là 05 suất ruộng. Hộ gia đình bà bị thu hồi là 639,3m² đất ruộng, số tiền được bồi thường đền bù là 274.958.100 đồng, gia đình bà có 03 suất ruộng bị thu hồi nên đã nhận số tiền là 164.962.860 đồng, số tiền của 2 suất ruộng của cụ T1 và cụ C1 còn lại được đền bù là 109.975.240 đồng, khi còn sống các cụ ở với vợ chồng bà nên mang tên chồng bà. Quan điểm của bà không nhất trí chia số tiền 109.975.240 đồng, theo đề nghị của ông Đ. Vì khi còn sống cụ T1 có nói sau khi chết thì sẽ cho hai con của vợ chồng ông bà là chị H4 và chị T3, do chị H4 và chị T3 không có ruộng. Việc cụ T1 và cụ C1 nói chỉ nói bằng miệng không có văn bản. Sau khi chia ruộng xong vợ chồng bà là người quản lý và sử dụng đất nông nghiệp để lấy lương thực cho cụ T1 và cụ C1 sinh sống hàng năm. Vợ chồng bà chỉ sử dụng đất nông nghiệp để canh tác, không có công sức tu tạo gì đối với hai suất ruộng của cụ T1 và cụ C1. Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ UBND xã V cung cấp: cụ Trương Văn T1 (chết năm 2007) và cụ Phạm Thị C1 (chết năm 2000). Hai cụ sinh được 06 người con gồm các ông, bà: Trương Quang T2 (chết năm 2024); Trương Quang Đ3; Trương Thị Đ1; ông Trương Văn Đ2; ông Trương Mạnh H1; ông Trương Mạnh H1. Vợ ông T2 là bà Trần Thị M và các con ông T2 là: Trương Thị P, Trương Thị H2 và Trương Quang T. Năm 1993 Nhà nước chia đất nông nghiệp, hai cụ Trương Văn T1 và Phạm Thị C1 cùng hộ với gia đình ông Trương Song H nên hộ ông H được chia 05 suất ruộng, trong đó của cụ T1 và cụ C1, ông H, bà O (vợ ông H) và chị H3 (con ông H) mỗi người một suất ruộng. Cụ T1, cụ C1 và gia đình ông H cùng sử dụng ruộng chung. Sau khi cụ T1 và cụ C1 chết vợ chồng ông H tiếp tục quản lý, sử dụng và trồng lúa. Thực hiện Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày

06/02/2024 của UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã V, cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông H, tổng diện tích đất thu hồi là 825,7m². Trong số diện tích đất bị thu hồi của cụ T1 và cụ C1 là 330,28m², của gia đình ông H là 495,4m². Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của 05 suất ruộng là 274.958.100 (bao gồm: tiền bồi thường đất nông nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi nghề và đào tạo việc làm, hỗ trợ đào tạo học, hỗ trợ cây cối hoa màu, hỗ trợ ổn định đời sống) và 8.257.000 đồng tiền thưởng tiến độ. Gia đình ông H đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ của 03 suất ruộng là 164.929.060 đồng. Số tiền bồi thường, hỗ trợ của cụ T1 và cụ C1 là 113.286.040 đồng, do các con cụ T1 và cụ C1 là ông Đ3, ông H, ông Đ2 không thống nhất được việc sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp của cụ T1 và cụ C1. UBND xã đã tiến hành hoà giải nhưng không được nên số tiền bồi thường, hỗ trợ của cụ T1 và cụ Chiêm UBND xã đang tạm giữ để chờ kết quả giải quyết của Tòa án để giao số tiền bồi thường, hỗ trợ của cụ T1 và cụ C1 theo quy định của pháp luật. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Đ. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giao cho ông Trương Song H và bà Đào Thị O được quản lý, sử dụng và định đoạt tiền hỗ trợ cây cối hoa màu là 3.302.800 đồng và tiền thưởng tiến độ là 3.303.800 đồng. Tổng số tiền là 6.605.600 đồng. Giao cho các ông, bà: Trương Văn Đ, Trương Văn Đ2, Trương Thị Đ1, Trương Mạnh H1, Trương Song H, mỗi người được quản lý, sử dụng, định đoạt số tiền 17.780.073 đồng. Giao cho bà Trần Thị M, chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T được hưởng thừa kế đối với phần tài sản ông T2 được hưởng thừa kế của cụ T1 và cụ C1 để lại, mỗi người được quản lý sử dụng số tiền là 4.445.018 đồng. Yêu cầu UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên giao trả tiền bồi thường đất nông nghiệp, tiền hỗ trợ và tiền thưởng tiến độ do thu hồi đất nông nghiệp của cụ Trương Văn T1 và cụ Phạm Thị C1 cho các ông, bà: Trương Văn Đ, Trương Văn Đ2, Trương Thị Đ1, Trương Mạnh H1, Trương Song H, Đào Thị O, Trần Thị M và các anh, chị Trương Thị P, Trương Thị H2, Trương Quang T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trương Song H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trương Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Trương Song H giữ nguyên nội dung, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên sau khi phân tích các chứng cứ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Toà án thụ lý và tại phiên toà phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, di sản thừa kế, hàng thừa kế và chia thừa kế đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Trương Song H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh luận và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trương Song H có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Xét thấy việc kháng cáo hợp lệ nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên những người vắng mặt đều có lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và đã uỷ quyền cho ông Trương Văn Đ tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Song H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Các tình tiết không phải chứng minh: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất: Cụ Trương Văn T1 (chết ngày 11/8/2007) và cụ Phạm Thị C1 (chết ngày 20/8/2000), khi chết đều không để lại di chúc. Cụ T1 và cụ C1 có 06 người con gồm: ông Trương Quang T2 (chết ngày 24/3/2024); ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Đ2, ông Trương Thị Đ1, ông Trương Mạnh H1 và ông Trương Song H. Ngoài ra cụ T1, cụ C1 không có người con riêng, con nuôi nào khác. Ông Trương Quang T2 chết, không để lại di chúc, ông T2 và vợ là bà Trần Thị M có 03 người con chung là chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T. Khi còn sống, cụ T1 và cụ C1 được chia 02 xuất đất ruộng nông nghiệp cùng với hộ gia đình ông Trương Song H. Theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế, diện và hàng thừa kế: Như đã phân tích tại mục [2.1], cụ Trương Văn T1 (chết ngày 11/8/2007) và cụ Phạm Thị C1 (chết

ngày 20/8/2000), các cụ chết không để lại di chúc do đó việc xem xét chia di sản thừa kế sẽ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định thời điểm mở thừa kế của cụ T1 là ngày 11/8/2007 và thời điểm mở thừa kế của cụ C1 là ngày 20/8/2000 và xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ T1, cụ C1 gồm các ông, bà: Trương Quang T2; Trương Văn Đ, Trương Văn Đ2, Trương Thị Đ1, Trương Mạnh H1, Trương Song H là chính xác. Do ông Trương Quang T2 chết năm 2024, không để lại di chúc, nên căn cứ Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, vợ ông T2 là bà Trần Thị M và các con ông T2 là chị Trương Thị P, chị Trương Thị H2, anh Trương Quang T được hưởng thừa kế đối với phần tài sản ông T2 được hưởng thừa kế của cụ T1 và cụ C1.

[2.3] Về di sản thừa kế: Thực hiện quyết định 254/QĐ - UBND ngày 06/02/2024 của UBND huyện K về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng quyền sử dụng cho nhân dân làm nhà ở tại xã V, huyện K, đã tiến hành thu hồi diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Đào Song H5 là 825,7m² được thể hiện tại thửa số 648 và 649, tờ bản đồ số 4, thuộc thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên, trong phần diện tích đất này có tiêu chuẩn của cụ T1 và cụ C1. Số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 274.958.100 đồng (bao gồm: tiền bồi thường đất nông nghiệp 80.000 đồng/m²; hỗ trợ chuyển đổi nghề và đào tạo việc làm 240.000 đồng/m², hỗ trợ đào tạo học nghề 3.000 đồng/m², hỗ trợ cây cối hoa màu 10.000 đồng/m² và tiền thưởng tiến độ tiền thưởng tiến độ là 10.000 đồng/m²). Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ và thưởng tiến độ là 283.215.100 đồng. Ông H5 và bà O đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng tiến độ của 03 suất đất nông nghiệp của ông H5, bà O và chị H3 tổng số tiền là 169.929.060 đồng. Số tiền bồi thường, hỗ trợ và thưởng tiến độ 02 suất đất nông nghiệp của cụ T1 và cụ C1 là 113.286.040 đồng, số tiền này hiện đang do UBND xã V (nay là xã D), huyện K, tỉnh Hưng Yên quản lý, chưa chi trả. Trong số tiền bồi thường đất nông nghiệp, hỗ trợ và tiền thưởng tiến độ, có tiền hỗ trợ cây cối hoa màu trên diện tích đất nông nghiệp của cụ T1 và cụ C1 là 3.302.800 đồng, tiền thưởng tiến độ là 3.302.800 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đúng về nguồn gốc số tiền và đối tượng được thụ hưởng số tiền.

[2.4] Chia di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và những người được hưởng thừa kế di sản của cụ T1, cụ C1. Việc phân chia số tiền 106.680.440 đồng cho các đồng thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Việc xác định án phí dân sự sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử giữ nguyên phần án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Trương Song H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trương Song H, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Song H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Song H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001713 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- TA, THA huyện Kim Động
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga